



TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

Coshet Environmental Technology Center

Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại: 028.38680842

Email: trungtamcoshet@gmail.com



Số: 1279-12/23-2.5/ KQPT

Tp.HCM, ngày 11 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư

: TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

Đơn vị quản lý

: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẢN LÝ NAM SƠN

1/ Địa điểm lấy mẫu : TÒA NHÀ PVFCCO

2/ Địa chỉ

: 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa káo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Thời gian lấy mẫu: 04/12/2023

4/ Loại mẫu

: Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³
2	CO*	SOP_HTKT01	-	0÷11400 mg/Nm ³
3	SO ₂ *	SOP_HTKT01	-	0÷13100 mg/Nm ³
4	NO _x *	SOP_HTKT01	-	NO: 0÷4920 mg/Nm ³ NO ₂ : 0÷2068 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h
6	Nhiệt độ*	SOP_HTKT02	-	0÷1200°C

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Bụi	CO	SO ₂	NO _x
Nguồn thải	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
1279-12/23-2.5KT Khí thải máy phát điện (Đo tại nguồn thải)	53	387,6	34,1	32,0
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ với $K_p=1$ và $K_v=1$	200	1000	500	850

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy



KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH. SD: 29/01/2021)



TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

Coshet Environmental Technology Center

Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại: 028.38680842

Email: trungtamcoshet@gmail.com



Số: 1279-12/23-2.5/ KQPT

Tp.HCM, ngày 11 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
Đơn vị quản lý : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẢN LÝ NAM SƠN
1/ Địa điểm lấy mẫu : TÒA NHÀ PVFCCO
2/ Địa chỉ : 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa káo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
3/ Thời gian lấy mẫu: 04/12/2023
4/ Loại mẫu : Nước thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
			1279-12/23-2.5NT1 Đầu vào	1279-12/23-2.5NT2 Đầu ra		A	B	
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*	-	6,28 (31,0°C)	6,97 (30,8°C)	2÷12	5 - 9	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	94	35	1,5	50	100	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	102	28	1,0	30	50	TCVN 6001-1:2021
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)*	mg/L	759	321	0÷1.999	500	1.000	SOP_HTN05
5	Sunfua*	mg/L	1,59	0,26	0,015	1	4	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	23,4	3,18	0,010	5	10	TCVN 6179-1:1996
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	32,1	4,92	0,015	30	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)**	mg/L	5,90	0,24	0,011	6	10	TCVN 6202:2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	6,1	1,5	0,3	10	20	SMEWW 5520.B&F:2023
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,72	0,077	0,012	5	10	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100mL	11.000	2.400	2	3.000	5.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*) Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**) Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy



Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH. SD: 29/01/2021)